TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
"*V/v Ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Trần Văn Sơn**

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Vũ Thị Bích Hậu –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Quỳnh Trang –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thanh N**, sinh năm 1993; Trú tại: trú tại: x đường N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Huỳnh Phan Thiên P** – Luật sư Công ty Luật TNHH H – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: XX, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

***** *Bị đơn:* Ông **Vũ Đức T,** sinh năm 1987; Trú tại: x đường N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 và các bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Hồ Thanh N trình bày:* Bà và ông Vũ Đức T kết hôn với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại x đường N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T đa nghi, nhiều lần vu khống, xúc phạm và có hành vi bạo lực gia đình.

Cuối tháng 12 năm 2023, sau khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án thì ông T cố tình gây gỗ và sau đó bỏ nhà ra đi cho đến nay, hiện bà không xác định được ông T đã đi đâu. Vợ chồng từ đó đến nay không ai còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Bà đã nhắn tin đề nghị ông T đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng ông T cho rằng ai làm đơn thì người đó tự đến Tòa, ông không quan tâm. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tuệ L, sinh ngày 08/3/2018 và Vũ Hồ Đức B, sinh ngày 14/3/2020. Ly hôn, bà N đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ *(niêm yết và giao trực tiếp cho tổ trưởng tổ dân phố*) các văn bản tố tụng cho ông Vũ Đức T đồng thời đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau song ông T không tham gia và cũng không có ý kiến phản hồi về vụ án.

* Biên bản xác minh ngày 26/01/2024 tại tổ dân phố số 9, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn thể hiện: Vợ chồng bà Hồ Thanh N và ông Vũ Đức T có đăng ký và cư trú tại địa chỉ x đường N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Sau khi tổ trưởng chuyển giao thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cho ông Vũ Đức T thì đến nay ông T đã đi đâu địa phương không rõ. Hiện tại chỉ có mẹ con bà N đang ở địa chỉ x đường N, phường M, quận N. Về mâu thuẫn vợ chồng và tài sản chung, nợ chung giữa ông T, bà N địa phương không nắm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thanh N và ông Vũ Đức T đã đến mức trầm trọng. Bản thân ông Vũ Đức T sống thiếu chuẩn mực, có hành vi bạo lực gia đình và hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hồ Thanh N cho bà được ly hôn với ông Vũ Đức T đồng thời giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng. Bị đơn Vũ Đức T đã được thông báo về vụ án, tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày. Tại hai phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thanh N và ông Vũ Đức T đã đến mức trầm trọng, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án ông T không liên hệ với Tòa án để phản hồi hay trình bày mong muốn được đoàn tụ gia đình mà bỏ mặc, tự ý đi khỏi địa

phương không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thanh N, cho bà được ly hôn với ông Vũ Đức T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Vũ Tuệ L và Vũ Hồ Đức B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung bà N trình bày không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Vũ Đức T cư trú tại x đường N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi về vụ án, không tham gia các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Tại các phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thanh N và ông Vũ Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà N xác định nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông T sống thiếu trách nhiệm, bạo lực gia đình. Cùng với đơn trình bày bà N cung cấp nhiều tin nhắn, hình ảnh, đơn thuốc chứng minh cho việc xúc phạm, vũ phu của ông T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Vũ Đức T. Ông T đã được biết về vụ án nhưng cố tình bỏ đi khỏi địa phương, bỏ mặc và không thực hiện việc phản hồi về vụ án. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mục đích để hòa giải, động viên vợ chồng về tiếp tục chung sống, nuôi dạy con cái nhưng ông T đều không đến Tòa án điều này thể hiện ông không còn thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Kết quả xác minh cũng thể hiện từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông T đã bỏ đi khỏi địa phương. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hồ Thanh N và ông Vũ Đức T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân

và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà được ly hôn với ông Vũ Đức T như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Giữa bà Nhàn và ông T có 02 con chung là Vũ Tuệ L, sinh ngày 08/3/2018 và Vũ Hồ Đức B, sinh ngày 14/3/2020, hiện các con chung còn quá nhỏ, ông T bỏ đi khỏi địa phương và cũng không có tranh chấp gì về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thanh N, giao các con chung Vũ Tuệ L, Vũ Hồ Đức B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vũ Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà N trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thanh N đối với ông Vũ Đức T về việc ly hôn và nuôi con chung.

* Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thanh N được ly hôn với ông Vũ Đức T.

2. Về con chung: Giao các con chung Vũ Tuệ L, sinh ngày 08/3/2018 và Vũ Hồ Đức B, sinh ngày 14/3/2020 cho bà Hồ Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Vũ Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Hồ Thanh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Nhàn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001583 ngày 27/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng *(Bà Nhàn đã nộp đủ án phí)*.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THA DS quận NHS;*
- *UBND phường Hoà Thuận Đông;*
(Đk ngày 28/11/2017)
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**